

Bản án số: 40/2019/HSPT

Ngày 16/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Hiệu và ông Lại Anh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Từ ngày 12 đến ngày 16/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**** Bị cáo kháng cáo:***

Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: Thôn B, xã CD, huyện KT, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc N và bà Nguyễn Thị Q; có chồng là Nguyễn Danh T và hai con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trọng Q - Luật sư Văn phòng luật sư An Phước thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị hại: Bà Đào Thị M, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn B, xã CD, huyện KT, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:

Ông Phạm Ngọc Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/7/2018, Nguyễn Thị L cầm theo chiếc ví bằng nhựa màu xanh kích thước dài 22,5 cm, rộng 11cm, dày 3cm, phần miệng mở ví và hai thành bên được bọc viền kim loại cứng màu vàng, đi bộ ra chợ CD (*chợ cũ*) thuộc thôn B, xã CD, huyện KT, tỉnh Hải Dương để mua thức ăn. Khi đến ki ốt bán hàng quần áo của chị Trần Thị H thì gặp bà Đào Thị M (*là đối tượng người khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội*). Do có mâu thuẫn về việc bà M cho rằng L vận động các tiểu thương từ chợ cũ chuyển đến chợ G mới xây dựng tại xã CD để kinh doanh, nên giữa L và bà M xảy ra cãi nhau, xô xát. L cầm chiếc ví bằng tay phải đánh nhiều nhát vào vùng đầu, mặt bà M. Hậu quả, bà M bị rách da, chảy máu tại vùng gò má bên phải. Trong lúc xô xát, bà M cầm chiếc ghế nhựa màu đỏ ở ki ốt của chị H đập một cái về phía L nhưng không gây thương tích. Bà M được đưa đi sơ cứu tại Trạm y tế xã CD, sau đó được chuyển điều trị tại Bệnh viện E - Hà Nội từ ngày 17/7/2018 đến ngày 23/7/2018.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành đã quản lý chiếc ví nêu trên do Nguyễn Thị L giao nộp và trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định vật gây thương số: 56/KLGD ngày 02/8/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Vật gửi đến giám định là chiếc ví thường dùng cho phụ nữ, có phần bọc kim loại cứng xung quanh, khi sử dụng làm vật gây thương có khả năng gây thương tích nên được coi là hung khí nguy hiểm.

Tại Giấy chứng nhận thương tích của Trạm y tế xã CD, Bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của Bệnh viện E (*Khoa răng hàm mặt*), Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 161/TgT ngày 28/8/2018. Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận đối với bà Đào Thị M: Vùng gò má phải có sẹo vết thương kích thước 2,7x0,15cm, phẳng, mềm, không ảnh hưởng thẩm mỹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%. Tổn thương có đặc điểm do vật tày có cạnh gây nên. Chiếc ví Công an huyện Kim Thành gửi giám định khi dùng để đánh, phần cạnh kim loại gây ra tổn thương cho bà M là phù hợp, không xác định được vị trí cụ thể nào gây nên.

Bà Đào Thị M có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với L.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 17/01/2019, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kim Thành đã căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 134, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, 584, 590 của Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L có trách nhiệm bồi thường cho bà M 2.000.000đ tiền thuê xe; 500.000 đồng tiền bồi dưỡng sức khỏe; 1.390.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần. Tổng là 3.890.000đ. Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Sau khi xét sơ thẩm, ngày 21/01/2019, bị hại bà Đào Thị M kháng cáo phần hình phạt và bồi thường. Ngày 28/01/2019, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Bị hại giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường cho bị hại. Cụ thể: Yêu cầu tiền viện phí, tiền thuốc 50.000.000đ, tiền công người chăm sóc 2.400.000đ, tiền thuê xe 3.000.000đ, tiền bồi dưỡng sức khỏe và tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới bồi thường thiệt hại, nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt của bản án sơ thẩm phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Nên đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại về phần hình phạt; giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần bồi thường, buộc bị cáo bồi thường tiền viện phí theo hóa đơn bị hại cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, tiền công người chăm sóc, và tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng 8.295.000đ, trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường 3.890.000đ, bị cáo còn phải bồi thường 4.405.000đ. Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Nguyễn Trọng Q trình bày: Nhất trí với tội danh và mức bồi thường dân sự tại án sơ thẩm. Mức hình phạt 7 tháng tù đối với bị cáo L là quá nặng, nên bị cáo L kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Căn cứ kháng cáo: Bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 3 tình tiết theo khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đề nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo phải nuôi hai con nhỏ, và chăm sóc bố mẹ già. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm 2 triệu đồng tại phiên tòa phúc thẩm của bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, gây thiệt hại hậu quả không lớn, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, điểm a, c khoản 1 Điều 134, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự : Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo. Đề nghị xem xét Đơn tố cáo của bà M đề ngày 23/7/2018, được đánh máy, có phải do bà M ký và có thể hiện đúng ý chí của bà M hay không để làm căn cứ khởi tố vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Phạm Ngọc Q trình bày: Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị. Về mức hình phạt 7 tháng tù đối với bị cáo là nhẹ, đề nghị tăng hình phạt, đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo. Về bồi thường dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu tiền viện phí, tiền thuốc, tiền ngày công người chăm sóc 2.400.000đ, do bị hại là người khuyết tật; bà M bị đánh tại chợ đông người nên bị tổn thất lớn về tinh thần, nên đề nghị tăng mức bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn cá nhân, khoảng 16 giờ ngày 17/7/2018, tại chợ CD thuộc thôn B, xã CD, huyện KT, tỉnh Hải Dương, bị cáo L có hành vi dùng chiếc ví bằng nhựa màu xanh, kích thước dài 22,5 cm, rộng 11 cm, dày 3 cm, phần miệng mở ví và hai thành bên được bọc viền kim loại cứng màu vàng là hung khí nguy hiểm đánh nhiều nhát vào vùng đầu, mặt bà Đào Thị M. Hậu quả, bà Méch bị tổn thương rách da vùng gò má phải, tổn hại 3% sức khỏe. Bà M là người già và đang hưởng chế độ khuyết tật nặng nên được xác định là người già yếu. Với hành vi nêu trên, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, c khoản 1 điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại không kháng cáo và VKSND không kháng nghị về tội danh.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét đơn của bà M đề ngày 23/7/2018, có thể hiện đúng ý chí của bà M hay không để làm căn cứ khởi tố vụ án. Tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đều xác định đơn tố

cáo là do bà ký thể hiện đúng ý chí của bà và đề nghị xử bị cáo nghiêm theo pháp luật. Nên không có căn cứ xem xét đề nghị này của người bào chữa.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại, HĐXX nhận thấy:

2.1. Về phần hình phạt của bị cáo:

Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có bố đẻ được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng bằng khen nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm biên lai về việc bồi thường cho bị hại tại thi hành án dân sự huyện Kim Thành, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: bị cáo L dùng ví đánh vào mặt, vào đầu bà M là người già, lại bị khuyết tật nặng. Hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật hình sự mà còn vi phạm về mặt đạo đức xã hội, dư luận lên án. Do đó, cấp sơ thẩm đã xử bị cáo 07 tháng tù giam là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại về phần hình phạt của bị cáo L, giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm, mới đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

2.2. Đối với kháng cáo của bị hại về phần bồi thường dân sự:

Người bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại các khoản: Tiền thuốc và viện phí là 50.000.000đ; tiền thuê xe đi ba lần bằng 3.000.000 đồng; tiền thuê người chăm sóc 7 ngày bằng 2.400.000 đồng; tiền phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất tinh thần theo quy định. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bị hại là có căn cứ theo các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự. Cấp sơ thẩm đã xem xét phần bồi thường, không chấp nhận khoản viện phí và tiền thuốc và tiền mất thu nhập của người chăm sóc. Tuy nhiên, căn cứ vào bệnh án điều trị thương tích của bà M tại Bệnh viện E (BL 37,39) thấy rằng bà M điều trị tại Viện E từ ngày 17/7/2018 đến ngày 23/7/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại yêu cầu bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc 50.000.000đ, nhưng chỉ cung cấp 02 hóa đơn viện phí ngày 23/7/2018 với tổng số tiền 2.071.201đ, nên chỉ chấp nhận chi phí theo hóa đơn trên. Đối với mất thu nhập của người chăm sóc, xét bà M là người già, lại bị khuyết tật, cần có người chăm sóc. Đây là chi phí thực tế, hợp lý khi điều trị thương tích nên cần chấp nhận theo đề nghị của bị hại. Đối

với tiền bồi dưỡng sức khỏe cần tăng mức 2.000.000đ mới đảm bảo. Tiền thuê xe và tiền tổn thất tinh thần tại bản án sơ thẩm là phù hợp. Như vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, cải sửa án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tiền viện phí, thuốc là 2.071.201đ; tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2.400.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe 2.000.000đ; tiền thuê xe 2.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 1.390.000đ. Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 9.861.000đ (làm tròn). Đối trừ với số tiền bị cáo đã nộp tiền bồi thường tại Chi cục thi hành án huyện Kim thành là 3.890.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường 5.971.000đ

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 355, Điều 356, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, giữ nguyên phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L, sửa phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 134, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm bồi thường cho bà Đào Thị M các khoản : tiền viện phí, thuốc là 2.071.201đ; tiền công người chăm sóc 2.400.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe 2.000.000đ, tiền thuê xe 2.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần 1.390.000đ. Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 9.861.000đ (làm tròn). Đối trừ với số tiền 3.890.000đ bị cáo đã nộp tiền bồi thường tại Chi cục thi hành án huyện Kim thành theo biên lai

thu tiền số AA/2011/07980 ngày 21/3/2019. Bị cáo còn phải bồi thường 5.971.000đ (Năm triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 16/4/2019).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND huyện Kim Thành;
- Công an huyện Kim Thành;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại
- L-u tòa; lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Thị Yến